

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 128/2019/HS-ST
Ngày: 04-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Minh;

Bà Lê Thị Cẩm Tú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đ Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hồng Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 123/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2019/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo: **Nguyễn Trọng H**, sinh năm 1987; Tại Long An; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An; Chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; Trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn H, sinh năm 1964 và bà Trần Thị Kim K, sinh năm 1964; Vợ Nguyễn Thị L, sinh năm 1990; Con 02 tháng tuổi.

Tiền sự, tiền án: Không.

Bị bắt, tạm giam: từ ngày 12/8/2019 cho đến nay, (có mặt).

2. Bị cáo: **Trần Công B**, sinh năm 1989. Tại Tây Ninh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; Chỗ ở hiện nay: Ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; Trình độ văn hóa (học vấn): 2/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Công V, sinh năm 1964 (chết) và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1964; Anh chị em ruột có 03 người lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1991; Bản thân chưa vợ.

Tiền sự, tiền án: Không.

Bị bắt, tạm giam: từ ngày 12/8/2019 cho đến nay, (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Hoàng Văn M, sinh năm 1959, địa chỉ: Khu phố 2, xã L, thành phố B, tỉnh Đ.

2. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1986.

3. Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Cùng Khu phố Thống Nhất 1, phường D, thị xã D, tỉnh B, tất cả xin vắng mặt.

- *Người chứng kiến:*

1. Bà Bùi Thị V, sinh năm 1965.

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Cùng ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An, tất cả xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 5 giờ 30 phút ngày 12/8/2019, bị cáo Trần Công B đi xe buýt từ nhà của bị cáo B đến phòng trọ số 6 nhà trọ hiệu Thanh An do bị cáo Nguyễn Trọng H thuê thuộc ấp Chánh Hội, xã Tân Mỹ, huyện Đ Hòa, tỉnh Long An để gặp bị cáo H cùng đi điều khiển xe mô tô do người khác phạm tội mà có thuê cho người có tên Ú không rõ nhân thân lai lịch theo thỏa thuận từ trước giữa bị cáo B và bị cáo H với Ú. Một xe điều khiển từ ngã tư Tân Quy thuộc huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh về cầu Bà Vòm thuộc huyện Đ, tỉnh Long An với giá tiền công là 400.000 đồng và vận chuyển từ tỉnh B về cầu Bà Vòm thuộc huyện Đ, tỉnh Long An với giá là 500.000 đồng. Đến khoảng 7 giờ cùng ngày có một người thanh niên không rõ tên, địa chỉ điều khiển xe mô tô loại Wave, màu xanh không rõ biển số đến nhà trọ Thanh An chở bị cáo H và bị cáo B đến khu vực ngã tư Tân Quy thuộc huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh để điều khiển xe mô tô cho Ú. Khi đến ngã tư Tân Quy, bị cáo H xuống đi bộ khoảng 50 mét nhìn thấy có 01 xe mô tô biển số 60F2-626.05 trên xe có gắn sẵn chìa khóa công tắc điện không có người trông giữ. Do có thỏa thuận biết trước đây là xe điều khiển thuê cho Ú nên bị cáo H đi đến nhận xe và điều khiển đến quán cà phê không rõ biển hiệu gần nơi nhận xe để chờ bị cáo B. Riêng bị cáo B được người thanh niên không rõ nhân thân lai lịch tiếp tục điều khiển xe chờ đến cổng sau khu công nghiệp Vsp 1, thuộc địa phận D, tỉnh B, bị cáo B xuống xe đi bộ khoảng 100 mét gặp một người đàn ông không rõ nhân thân lai lịch giao cho bị cáo B một xe mô tô biển số 61D1-866.68 rồi bỏ đi. Bị cáo B biết rõ xe này do phạm tội mà có và nhận xe điều khiển xe đến quán cà phê không rõ biển hiệu gần ngã tư Tân Quy để gặp bị cáo H đang đợi bị cáo B. Sau đó, bị cáo B điều khiển xe mô tô biển số 61D1-866.68, bị cáo H điều khiển xe mô tô biển số 60F2-626.05 cùng chạy về huyện Đ, tỉnh Long An để giao cho Ú. Trên đường đi, bị cáo H và bị cáo B điều khiển xe vào phòng trọ số 06 nhà trọ Thanh An để nghỉ một thì bị lực lượng Công an xã T huyện Đ, tỉnh long An tuần tra phát hiện bắt giữ quả tang bị cáo H, bị cáo B và giao lại cho Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Long An để điều tra xử lý.

Vật chứng thu giữ quả tang của bị cáo H gồm có: một xe mô tô biển số 60F2-626,05, một chìa khóa hon da, một điện thoại di động hiệu Nokia 1202, vỏ màu xanh, số sim: 0362116139. Vật chứng thu giữ quả tang của bà cáo B gồm có: một xe mô tô biển số 61D1-866.68, một chìa khóa xe honda, một điện thoại di động hiệu Samsung J3 Pro, vỏ màu vàng, số sim: 0389030152, một điện thoại di động hiệu Nokia 1202, vỏ

màu xanh, số sim: 0941924487. Quá trình làm việc với Cơ quan điều tra bị cáo H và bị cáo B thành khẩn khai báo hành vi phạm tội.

Quá trình điều tra xác định: xe mô tô biển số 60F2-626.05 có số khung RLHJF6307Z812840, số máy: JF63E1805805893, là tài sản hợp pháp của ông Hoàng Văn M mua vào năm 2017 để sử dụng đến ngày 12/8/2019, sau khi đi làm về ông M dựng xe này tại nhà và bị kẻ gian trộm cắp mất xe. Xe mô tô biển số 61D1-866.68 có số khung: RLHJA390HY500258, số máy: JA39E0475436, là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Văn Đ mua vào năm 2018 để sử dụng. Đến ngày 12/8/2019, vợ ông Đ là bà Nguyễn Thị Thu T sử dụng xe này thì bị kẻ gian trộm cắp mất tại trường mầm non Văn Dương thuộc khu phố thống nhất 1, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 79/KL.ĐGTS ngày 15/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ đã kết luận: xe mô tô biển số 60F2-626.05 do bị cáo Nguyễn Trọng H điều khiển bị bắt quả tang có giá trị thành tiền là 33.272.000 đồng, xe mô tô biển số 61D1-866.68 do bị cáo Trần Công B điều khiển bị bắt quả tang có giá trị thành tiền là 16.011.000 đồng.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Trọng H và bị cáo Trần Công B phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Trọng H và bị cáo Trần Công B phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, gia đình các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, được xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Ngoài ra các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác bị cáo H và bị cáo B không cung cấp nên không đề cập.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã tiến hành trao trả xong cho chủ sở H hợp pháp là ông Hoàng Văn M một chiếc xe mô tô biển số 60F2-626.05 và bà Nguyễn Thị Thu T một chiếc xe mô tô biển số 61D1-866.68 theo biên bản trả tài sản ngày 26/8/2019. Hiệch Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ Hòa, tỉnh Long An đang tạm giữ các vật chứng: một điện thoại di động hiệu Nokia 1202, vỏ màu xanh, số sim: 0362116139 thu giữ của bị cáo Nguyễn Trọng H, một điện thoại di động hiệu SamSung J3 pro, vỏ màu vàng, số sim: 0389030152 và một điện thoại di động hiệu Nokia 1202, vỏ màu xanh, số sim: 0941924487 thu giữ của bị cáo Trần Công B.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Hoàng Văn M sau khi nhận lại xe mô tô biển số 60F2-626.05 và bà Nguyễn Thị Thu T sau khi nhận lại xe mô tô biển số 61D1-866.68 không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

Tại bản cáo trạng số 125/CT-VKS-ĐH ngày 08/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Hòa, tỉnh Long An truy tố các bị cáo Nguyễn Trọng H và bị cáo Trần Công B về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên sau khi phân tích tính chất và mức độ nguy hiểm xã hội của hành vi vi phạm pháp luật mà bị cáo Nguyễn Trọng H và bị cáo Trần Công B gây ra; Đồng thời căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trọng H và bị cáo Trần Công B phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, áp dụng khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2

Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng H với mức hình phạt tù từ 06 tháng cho đến 09 tháng.

Xử phạt bị cáo Trần Công B với mức hình phạt tù từ 06 tháng cho đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Hoàng Văn M và ông Nguyễn Văn Đ bà Nguyễn Thị Thu T đã nhận lại tài sản bị mất xong, ông M, ông Đ và bà T không yêu cầu bồi thường, không đề cập xem xét đến.

Về tang vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy:

- 02 chìa khóa xe honda.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Trọng H 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1202, vỏ màu xanh, số sim: 0362116139.

- Trả lại cho bị cáo Trần Công B 01 điện thoại di động hiệu Samsung J3Prp, vỏ màu vàng, số sim: 0389030152 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1202, vỏ màu xanh, số sim: 0941924487. Bị cáo H và bị cáo B chưa nhận tiền công vận chuyển nên không xem xét thu hồi tiền thu lợi bất chính.

Đối với người đàn ông tên Ú không rõ nhân thân lai lịch có hành vi thuê bị cáo H và bị cáo B vận chuyển xe mô tô biển số 60F2-626.05 và xe mô tô biển số 61D1-866.68 do phạm tội mà có không xác định được nhân thân lai lịch của người này và chỉ có lời khai duy nhất của hai bị cáo nên Cơ quan điều tra tiếp tục truy xét làm rõ xử lý sau.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng văn M trình bày trong quá trình điều tra: ông là chủ sở hữu hợp pháp xe mô tô biển số 60F2-626.05, có số khung RLHJF6307Z812840, số máy: JF63E1805893, ông mua vào năm 2017 để sử dụng. Đến ngày 12/8/2019 sau khi đi làm về ông dựng xe tại nhà và bị kẻ gian trộm cắp. Nay Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông tài sản bị trộm nên ông không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông là chủ sở hữu hợp pháp xe mô tô biển số 61D1-866.68 có số khung: RLHJA390HY500258, số máy: JA39E0475436, ông mua vào năm 2018 để sử dụng. Ngày 12/8/2019 vợ ông là bà Nguyễn Thị Thu T sử dụng xe này thì bị kẻ gian trộm cắp tại trường nằm non Vắn Dương thuộc khu phố Thống Nhất 1, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Nay Cơ quan điều tra đã trả tài sản cho ông bị mất trộm nên ông không có yêu cầu gì trong vụ án.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Trọng H và bị cáo Trần Công B hoàn toàn nhìn nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An truy tố, không đưa ra chứng cứ nào để minh oan, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo cũng như người liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2]. Đánh giá của Hội đồng xét xử:

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như ông Hoàng Văn M và ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thu T, đã nhận lại tài sản và những người làm chứng: Bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị M những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt của họ, không gây trở ngại cho việc xét xử, không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Đồng thời, họ đều có đơn xin được xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 292 và Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Lời khai của bị cáo Nguyễn Trọng H và bị cáo Trần Công B tại phiên Tòa đối chiếu với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định: Vào khoảng 5 giờ 30 phút ngày 12/8/2019, tại ngã tư Tân Quy thuộc huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Nguyễn Trọng H nhận một xe mô tô biển số 60F2-626.05 do người khác phạm tội mà có, có giá trị thành tiền là 33.272.000 đồng và tại khu công nghiệp Vsip 1 thuộc thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương bị cáo Trần Công B nhận một xe mô tô biển số 61D1-866.68 do người khác phạm tội mà có, có giá trị thành tiền là 16.011.000 đồng để cùng điều khiển thuê cho người đàn ông tên Ú không rõ nhân thân lai lịch về huyện Đ, tỉnh Long An tiêu thụ. Khi bị cáo H và bị cáo B điều khiển xe đến khu vực ấp Chánh Hội, xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thì bị lực lượng Công an xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tuần tra phát hiện bắt quả tang tạm giữ người và vật chứng giao lại cho Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa, tỉnh Long An để điều tra xử lý. Bị cáo H chưa nhận tiền công 400.000 đồng bị cáo B chưa nhận tiền công 500.000 đồng theo thỏa thuận với Ú. Hành vi này nguy hiểm cho xã hội nên cần nghiêm trị bằng pháp luật hình sự.

Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Trọng H và bị cáo Trần Công B trước Toà phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan như ông Hoàng Văn M, ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thu T và biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang ngày 12/8/2019, biên bản về việc định giá tài sản số: 79 ngày 15/8/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Đức Hòa, tang vật chứng thu giữ đã được thẩm tra xác minh công khai tại phiên Tòa, phù hợp với nội dung bản cáo trạng.

Thấy rằng, dù biết rõ nguồn gốc tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo Nguyễn Trọng H đã nhận vận chuyển xe mô tô biển số 60F2-626.05 (xe có giá trị thành tiền là 33.272.000 đồng) và bị cáo Trần Công B đã nhận vận chuyển xe mô tô biển số 61D1-866.68 (xe có giá trị thành tiền là 16.011.000 đồng) cho một người không rõ nhân thân, lai lịch từ huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh về xã Mỹ Quý Tây, huyện Đ Huệ, tỉnh Long An, các bị cáo chưa nhận tiền công thì bị lực lượng Công an bắt có hành vi phạm tội quả tang.

Trên cơ sở đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Nguyễn Trọng H và bị cáo Trần Công B phạm tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4]. Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố bị cáo Nguyễn Trọng H và bị cáo Trần Công B với tội danh và Điều luật trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo Nguyễn Trọng H và bị cáo Trần Công B gây ra là nguy hiểm. Các bị cáo biết rõ đây là tài sản do phạm tội mà có, nhưng các bị cáo vẫn nhận vận chuyển để tiêu thụ được tài sản. Hành vi này đã xâm phạm đến khách thể là trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến công tác bảo vệ pháp luật và phòng chống tội phạm của Nhà nước; là tiếp tay, thúc đẩy cho hoạt động tội phạm. Khi thực hiện hành vi, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của bị cáo là ảnh hưởng xấu đến trật tự công cộng nhưng các bị cáo vẫn bất chấp thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp do đó cần áp dụng mức hình phạt tương xứng cho các bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5]. Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mức hình phạt tù: Bị cáo H và bị cáo B phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo H và bị cáo B có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hoàn cảnh gia đình bị cáo H khó khăn, là lao động chính, phải nuôi con còn nhỏ (có xác nhận chính quyền địa phương nơi cư trú) và hoàn cảnh gia đình bị cáo B kinh tế khó khăn (có chính quyền địa phương xác nhận); đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, nên khi áp dụng hình phạt cho bị cáo H và bị cáo B có xem xét giảm nhẹ một phần.

Trong vụ án này, bị cáo H và bị cáo B cùng đồng phạm nhưng xét thấy đồng phạm giản đơn các bị cáo không bàn bạc trước và cũng không phân công vai trò trách nhiệm cho nhau, chỉ vì không tiền tiêu xài nên bị cáo H rủ bị cáo B đi vận chuyển xe mô tô do người khác phạm tội mà có, cũng cần cụ thể hóa từng hành vi của các bị cáo để khi áp dụng mức hình phạt cho tương xứng với các hành vi của các bị cáo gây ra.

Bị cáo H thực hiện phạm tội với vai trò người rủ rê bị cáo B. Các bị cáo thực hiện phạm tội không có sự cấu kết chặt chẽ nhưng cũng cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự và tương ứng với hành vi của bị cáo gây ra.

Đối với bị cáo B, nghe sự rủ rê của bị cáo H, mặc dù bị cáo B biết việc làm này là phạm tội nhưng vẫn bất chấp để có tiền tiêu xài cho bản thân phải cần xử lý bị cáo B bằng pháp luật hình sự và tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo B.

Xét thấy bị cáo Nguyễn Trọng H và bị cáo Trần Công B có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; do đó việc áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương đối với bị cáo H và bị cáo B cũng có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung, xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cho bị cáo H và bị cáo B mức hình phạt tù là quá nặng chưa tương xứng với các tình tiết giảm nhẹ của hai bị cáo. Bởi lẽ, bị cáo H và bị cáo B đều có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 51 và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51. Ngoài ra bị cáo H và bị cáo B có nơi cư trú rõ ràng nên bị cáo H và bị cáo B được áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là hoàn toàn phù hợp.

[6]. Về tang vật chứng:

+ Đối với 01 xe mô tô biển số 60F2-626.05 là tài sản hợp pháp của ông Hoàng Văn M, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Hòa đã trả lại cho ông M xong nên không đề cập, xem xét.

+ Đối với 01 xe mô tô biển số 61D1-688.68 là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Văn Đ, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Hòa đã trả lại cho ông Đ xong nên không đề cập, xem xét.

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1202, vỏ màu xanh, số sim: 0362116139 thu giữ của bị cáo H và 01 điện thoại di động hiệu Sam sung J3 Pro, vỏ màu vàng, số sim: 0389030152 và điện thoại di động hiệu Nokia, vỏ màu xanh, số sim: 0941924487 thu giữ của bị cáo B, xét thấy bị cáo H và bị cáo B không sử dụng các điện thoại này để liên lạc có liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo H và bị cáo B điện thoại di động trước đây thu giữ của các bị cáo cũng như theo đề nghị của Kiểm sát viên về việc xử lý vật chứng vụ án là phù hợp Hội đồng xét xử ghi nhận.

+ Đối với 01 chìa khóa xe Honda thu giữ của bị cáo H và 01 chìa khóa xe Honda thu giữ của bị cáo B tịch thu tiêu hủy.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn M đã nhận lại tài sản là 01 xe mô tô biển số 60F2-626.05, có số khung: RLHJF6307Z81284, số máy: JF63E1805893 và không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên không xem xét. Ông Nguyễn Văn Đ đã nhận lại tài sản là 01 xe mô tô biển số 61D1-866.68 có số khung: RLHJA390HY500258, số máy: JA39E0475436 và không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên không xem xét. Ngoài ra, trong vụ án này, bị cáo H và bị cáo B chưa thu lợi bất chính nên không đề cập xem xét đến.

[8]. Đối với người đàn ông tên Ú thuê bị cáo H và bị cáo B vận chuyển xe mô tô do người khác phạm tội mà có, do không xác định được nhân thân lai lịch của người này, Cơ quan điều tra đang tiếp tục truy xét làm rõ, xử lý sau nên không đề cập xem xét đến.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015, (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm i, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Điều 2, Điều 4, Điều 6 Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng H phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trọng H **01**(Một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **02** (Hai) năm. Thời hạn tù và thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án ngày (04/11/2019).

Giao bị cáo Nguyễn Trọng H về Ủy ban nhân dân thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Nguyễn Trọng H có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Trọng H thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015, (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm i, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ vào Điều 2, Điều 4, Điều 6 Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo.

Tuyên bố bị cáo Trần Công B phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Công B **09** (Chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng. Thời hạn tù và thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án ngày 04/11/2019.

Giao bị cáo Trần Công B về Ủy ban nhân dân xã Đông Phước, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Trần Công B có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Trần Công B thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

- Về tang vật chứng: Căn cứ vào Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Trọng H 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1202, vỏ màu xanh, số sim: 0362116139.

Trả lại cho bị cáo Trần Công B 01 điện thoại di động hiệu Sam sung J3 Pro, vỏ màu vàng, số sim: 0389030152 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1202, vỏ màu xanh, số sim: 0941924487.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 chìa khóa xe Honda, thu giữ của bị cáo Nguyễn Trọng H và 01 chìa khóa xe Honda thu giữ của bị cáo Lê Công B.

Tang vật trên do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ Hòa, tỉnh Long An đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 07-14/10/2019 ngày 14 tháng 10 năm 2019.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Trọng H và bị cáo Trần Công B mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Án này là sơ thẩm, bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Minh - Lê Thị Cẩm Tú

Nguyễn Văn Tài

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Thị hánh án huyện;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán –Chủ Tọa Phiên Tòa

Nguyễn Văn Tài